

Số: /SYT- KHTC
V/v xem xét, giải quyết khó khăn
trong việc thanh toán chi phí khám
chữa bệnh BHYT của các
cơ sở y tế công lập.

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Sở Y tế đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội (BHXH) khu vực XXXII và cơ sở khám chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) công lập thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu vượt tổng mức thanh toán, dự kiến chi còn tồn đọng các năm trước (từ năm 2018-2020, năm 2023 và năm 2024), cụ thể số tiền chưa được cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện thanh, quyết toán trên địa bàn tỉnh Cà Mau (mới) là **214.516.692.775** đồng (trong đó: năm 2018-2020: 36.276.744.058 đồng¹, năm 2023: 88.097.359.135 đồng² và năm 2024: 90.142.589.582 đồng³)

(Chi tiết phụ lục tổng hợp chi phí khám chữa bệnh BHYT vượt tổng mức, dự kiến chi từ năm 2018-2020, năm 2023 và năm 2024 của từng cơ sở KCB kèm theo)

Qua rà soát, tại một số cơ sở KCB công lập sau hợp nhất tỉnh Cà Mau (mới) thu không đủ chi, mất cân đối tài chính kéo dài nhiều năm, dẫn đến nợ lương, các khoản phụ cấp, đóng góp, trực chuyên môn... của nhân viên, nợ ngân sách và nợ nhà cung cấp dẫn đến không cung ứng thuốc, vật tư y tế, hoá chất kịp thời, từ đó một số đơn vị xảy ra tình trạng thiếu thuốc làm ảnh hưởng đến công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh.

Theo báo cáo của (BHXH) khu vực XXXII, dữ liệu tồn đọng trước năm 2023 đã được BHXH Việt Nam thẩm định và báo cáo đến Hội đồng quản lý. Theo quy định việc hướng dẫn thanh quyết toán chi phí vượt tổng mức thanh toán, vượt dự kiến chi thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và các cơ quan Trung ương liên quan.

Tuy nhiên, đến nay Bộ Y tế chưa ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai, tập huấn về đánh giá tính hợp lý của chỉ định điều trị theo quy định của Luật BHYT số 25/2008/QH12 và Luật BHYT số 51/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT (điểm b khoản 3 Điều 1 Luật BHYT số 51/2024/QH15 quy định Bộ Y tế có trách nhiệm “quy định về đánh giá sự hợp lý của việc cung cấp dịch vụ KCB” và xác định số vượt dự kiến chi được thanh toán theo khoản a Điều 36 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ)

¹ Cơ sở KCB đã tạm ứng 80% nhưng chưa thực hiện thủ tục thanh quyết toán

² Đã quá niên độ quyết toán theo Luật BHYT, chưa tạm ứng phần vượt dự kiến chi (dự toán).

³ Niên độ thanh quyết toán chi KCB BHYT theo Luật BHYT là trước ngày 01/10/2025.

Do đó, Sở Y tế xin báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kiến nghị Bộ Y tế ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện nội dung vướng mắc trên. Trước mắt, kiến nghị cơ quan BHXH Việt Nam cho tạm ứng phần chi phí KCB BHYT vượt dự kiến chi năm 2023 nhằm tháo gỡ khó khăn, thiếu hụt kinh phí hoạt động thường xuyên cho các cơ sở KCB công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH khu vực XXXII (ph/h);
- Ban GĐ SYT(iO);
- Các Cơ sở KCB (biết);
- Phòng NV (biết, ph/h);
- Lưu: VT, KHTC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chí Thanh

PHỤ LỤC TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH BHYT CHƯA ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
TỪ NĂM 2018-2020, NĂM 2023 VÀ NĂM 2024 CỦA CÁC CƠ SỞ KHÁM, CHỮA BỆNH SAU HỢP NHẤT TỈNH CÀ MAU (mới)

(Kèm theo Công văn số /SYT-KHTC ngày 18/7/2025 của Sở Y tế tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU CỦA CÁC CƠ SỞ KCB BÁO CÁO					SỐ LIỆU SỞ Y TẾ PHỐI HỢP RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU VỚI BHXH TỈNH				
		Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ	Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ
			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	
	TỔNG CỘNG (I+II)	213.329.468.714	34.728.971.531	87.563.178.584	91.037.318.599		214.516.692.775	36.276.744.058	88.097.359.135	90.142.589.582	
I	ĐƠN VỊ THUỘC SỞ Y TẾ CÀ MAU (CỦ)	154.886.943.182	20.975.349.503	79.391.979.679	54.519.614.000	Năm 2020 các đơn vị đã được tạm ứng 80%; năm 2023 có 02 đơn vị đã được BHXH tạm ứng: BV Y Dược cổ truyền 3.092.666.239 đồng và TTYT Phú Tân 900 triệu đồng (dự kiến trừ vào tạm ứng quý 3/2025) và năm 2024 các đơn vị chưa được cơ quan BHXH tạm ứng.	156.022.028.010	22.553.373.728	78.949.040.281	54.519.614.001	
01	Bệnh viện ĐK Cà Mau	53.905.524.535	11.418.869.420	30.497.752.722	11.988.902.393	Năm 2020, BV đã được tạm ứng 80%	53.913.150.495	11.442.078.934	30.482.169.169	11.988.902.392	Năm 2023 là số đã giám trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BVĐK Cà Mau ký ngày 12/12/2024

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU CỦA CÁC CƠ SỞ KCB BÁO CÁO					SỐ LIỆU SỞ Y TẾ PHỐI HỢP RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU VỚI BHXH TỈNH				
		Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ	Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ
			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	
02	Bệnh viện Sản-Nhi	12.887.985.336	89.472.498	9.903.921.900	2.894.590.938	Năm 2018, Bv chưa được tạm ứng	13.617.329.834	819.116.193	9.903.622.700	2.894.590.941	Năm 2023 là số đã giảm trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BVĐKTP Cà Mau ký ngày 27/6/2024
03	Bệnh viện ĐK Đầm Dơi	7.092.778.477	1.193.589.779	5.714.343.377	184.845.321	Số tiền: 1.193.589.779đ (đã được tạm ứng: 954.371.626đ)	7.087.136.063	1.193.589.779	5.708.700.963	184.845.321	Năm 2023 là số đã giảm trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BVĐK Đầm Dơi ký ngày 19/6/2024
04	Bệnh viện ĐK Năm Căn	7.088.801.190	1.290.959.305	2.935.179.108	2.862.662.777	Số vượt dự kiến chi 1.290.959.305 đồng đã đc tạm ứng số tiền 1.032.767.445 đồng,	6.916.830.578	1.290.959.305	2.763.208.496	2.862.662.777	Năm 2023 là số đã giảm trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BVĐK Năm Căn ký ngày 14/6/2024 và BB ngày 18/6/2024
05	Bệnh viện ĐK Trần Văn Thời	12.562.068.718	2.770.420.967	2.970.849.086	6.820.798.665	Số tiền vượt tổng mức năm 2020 chưa ra biên bản C82 là 2.655.345.871 đồng, đã được cho tạm ứng 2.124.000.000 đồng, còn lại 531.345.871 đồng; Số tiền gây mê gây tê là 115.075.096 đồng, đã được cho tạm ứng 91.870.086 đồng, còn lại 23.205.010 đồng.	12.557.676.420	2.770.420.406	2.966.457.350	6.820.798.664	Năm 2023 là số đã giảm trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BVĐK Trần Văn Thời ký ngày 14/6/2024

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU CỦA CÁC CƠ SỞ KCB BÁO CÁO					SỐ LIỆU SỞ Y TẾ PHỐI HỢP RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU VỚI BHXH TỈNH				
		Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ	Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ
			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	
06	Bệnh viện ĐK Cái Nước	32.323.978.345	2.545.168.692	12.206.836.446	17.571.973.207	Năm 2020, BV đã được tạm ứng 80%	32.325.850.122	2.754.066.345	11.999.810.570	17.571.973.207	Năm 2023 là số đã giám trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BVĐK Cái Nước ký ngày 27/6/2024
07	Bệnh viện Y Dược Cổ Truyền	8.459.022.754		4.085.050.087	4.373.972.667	Vượt dự kiến chi năm 2023 đã được tạm ứng 3,092 tỷ; năm 2018 BHXH đã từ chối quyết toán 1.046.774.991 đồng; BV còn đang tiếp tục giải trình.	8.446.415.154	0	4.072.442.487	4.373.972.667	Năm 2023 là số đã giám trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BV YHCT ký ngày 06/12/2024
08	Bệnh viện Đa khoa TP Cà Mau	3.319.494.189		3.033.681.235	285.812.954		3.318.795.589	0	3.032.982.635	285.812.954	Năm 2023 là số đã giám trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BVĐKTPCà Mau ký ngày 27/6/2024
09	Bệnh viện Mắt - Đa liễu	976.933.077		976.933.077	0		970.737.377	0	970.737.377	0	Năm 2023 là số đã giám trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của BV Mắt Đa liễu ký ngày 06/12/2024
10	TT Y tế khu vực Thới Bình	4.826.006.721	1.066.743.281	2.473.381.107	1.285.882.333	Năm 2020, đơn vị đã được tạm ứng 80%	4.822.501.876	1.066.743.281	2.469.876.262	1.285.882.333	Năm 2023 là số đã giám trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của TTYT huyện Thới Bình ký ngày 27/6/2024

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU CỦA CÁC CƠ SỞ KCB BÁO CÁO					SỐ LIỆU SỞ Y TẾ PHỐI HỢP RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU VỚI BHXH TỈNH				
		Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ	Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ
			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	
11	TT Y tế khu vực U Minh	6.437.485.071	95.376.403	2.064.812.629	4.277.296.039		6.890.522.987	548.551.569	2.064.675.379	4.277.296.039	Năm 2023 là số đã giảm trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của TTYT huyện U Minh ký ngày 19/6/2024
12	TT Y tế khu vực Phú Tân	2.509.359.680	504.749.158	1.334.577.597	670.032.925	Vượt dự kiến chi năm 2023 đã được tạm ứng 900 triệu (BHXH dự kiến trừ vào TU quý 3/2025); Năm 2020 đã được tạm ứng 403tr	2.508.256.680	504.749.158	1.333.474.597	670.032.925	Năm 2023 là số đã giảm trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của TTYT huyện Phú Tân ký ngày 27/6/2024
13	TT Y tế khu vực Ngọc Hiển	2.497.505.089	0	1.194.661.308	1.302.843.781		2.646.824.835	163.098.758	1.180.882.296	1.302.843.781	Năm 2023 là số đã giảm trừ theo Kết luận của KTNB tại Biên bản của TTYT huyện Ngọc Hiển ký ngày 06/12/2024
II	ĐƠN VỊ THUỘC SYT BẠC LIÊU (SÁP NHẬP VỀ SỞ Y TẾ TỈNH CẢ MAU MỚI)	58.442.525.532	13.753.622.028	8.171.198.905	36.517.704.599	Theo báo cáo Các đơn vị chưa được tạm ứng	58.494.664.765	13.723.370.330	9.148.318.854	35.622.975.581	Theo báo cáo Các đơn vị chưa được tạm ứng
1	Trung tâm y tế Khu vực Phước Long	5.490.180.079	2.068.350.430		3.421.829.649		6.444.046.546	2.068.350.430	953.866.467	3.421.829.649	
2	Trung tâm y tế Khu vực Giá Rai	6.792.088.215	1.016.823.095		5.775.265.120		7.924.892.563	1.016.823.096	1.471.913.634	5.436.155.833	
3	Trung tâm y tế Khu vực Hòa Bình	6.270.936.508	2.522.901.891	1.329.336.793	2.418.697.824		6.240.684.808	2.492.650.191	1.329.336.793	2.418.697.824	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU CỦA CÁC CƠ SỞ KCB BÁO CÁO				SỐ LIỆU SỞ Y TẾ PHỐI HỢP RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU VỚI BHXH TỈNH				
		Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó			GHI CHÚ	Số BHYT vượt tổng mức, vượt dự kiến chi chưa được BHXH thanh quyết toán (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82)	Trong đó		
			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)			Năm 2018-2020 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82; đ.vị đã được tạm ứng 80%)	Năm 2023 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)	Năm 2024 (chưa có biên bản quyết toán mẫu C82 và cũng chưa tạm ứng cho đ.vị)
4	Trung tâm y tế Khu vực Đông Hải	3.649.907.851	654.173.914	966.517.757	2.029.216.180		3.649.907.851	654.173.914	966.517.757	2.029.216.180
5	Trung tâm y tế Khu vực Bạc Liêu	5.054.989.423	3.339.957.141		1.715.032.282		5.575.185.574	3.339.957.141	520.196.151	1.715.032.282
6	Trung tâm y tế Khu vực Hồng Dân	8.085.730.867	3.396.730.867		4.689.000.000		8.739.455.028	3.396.730.867	1.209.343.892	4.133.380.269
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi BL	562.224.665		185.668.332	376.556.333		562.224.665		185.668.332	376.556.333
8	Bệnh viện Chuyên khoa Tâm Thần BL	582.163.683		70.427.600	511.736.083		582.163.683		70.427.600	511.736.083
9	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	21.954.304.241	754.684.690	5.619.248.423	15.580.371.128		18.776.104.047	754.684.691	2.441.048.228	15.580.371.128
										Năm 2023 là số đã giảm trừ chi phí chưa đúng quy định theo Kết luận số 3498/KL-BHXH ngày 03/10/2024 của BHXH Việt Nam, số tiền 3.178.200.195 đồng